

Bản án số: **01** /2024/HS-ST
Ngày 04 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, bà Lê Đào Bích, bà Hoàng Thị Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1999 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có vợ Nguyễn Thị Thủy Kim L1, sinh năm 1999 và 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị H1 – Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Trương Duy A, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Số D, ngách H, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Hoàng A1, sinh năm 1999;

Nơi cư trú: Số nhà H, tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Ngõ D C, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án (không lý do).

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1982; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Hà Minh G, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Anh Hầu Sỹ N1, sinh năm 2000. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Nguyễn Thành A2, sinh năm 1997. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T - L - Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12/2022, **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1999 (trú tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách lên mạng xã hội tìm những người kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô và xe mô tô tự lái, sau đó Đ liên hệ lừa thuê xe rồi đem đi thế chấp xe ô tô và bán xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, Đ còn lên mạng xã hội Facebook và Z thuê người làm Căn cước công dân giả để sử dụng vào việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 14/12/2022 đến ngày 28/01/2023, Đ đã 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang và huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trong đó có 01 lần Đ đã sử dụng Căn cước công dân giả vào việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt

tài sản. Cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 13/12/2022, Đ đăng nhập vào mạng xã hội Facebook tìm người cho thuê xe ô tô tự lái, Đ thấy có anh Trương Duy A, sinh năm 1998 (trú tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội) đăng bài viết cho thuê xe ô tô tự lái. Độ đã gọi điện cho anh Duy A trao đổi, thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu đỏ, biển kiểm soát 30H-602.59, với giá 850.000 đồng/ngày, thời gian thuê 10 ngày, tổng số tiền thuê xe là 8.500.000 đồng (từ ngày 14 đến ngày 23/12/2022). Ngoài ra, theo thỏa thuận khi thuê xe Độ phải đặt cọc cho anh Duy A 20.000.000 đồng.

Khoảng 01 giờ ngày 14/12/2022, anh Duy A điều khiển chiếc xe ô tô trên đi đến ngã ba xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang bàn giao cho Đ thuê. Tại đây anh Duy A và Đ lập hợp đồng thuê xe, biên bản giao nhận xe và cam kết trong quá trình thuê xe Độ không được mang xe đi cầm cố, thế chấp, mua bán với người khác. Sau đó, Đ đưa cho anh Duy A giữ Căn cước công dân số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ, có hình ảnh Độ mặc áo phong màu xanh (Căn cước công dân thật) và 20.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe như thỏa thuận; còn tiền thuê xe thống nhất khi trả xe Độ sẽ thanh toán một lần cho anh Duy A. Đến ngày 18/12/2022, Đ đã mang chiếc xe ô tô này đến thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thế chấp cho anh Hà Minh G, sinh năm 1995 (trú tại tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) vay 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời gian vay 10 ngày. Đ đã sử dụng 66.000.000 đồng trả tiền thuê xe cho anh Duy A (nhằm kéo dài thời gian bị phát hiện), còn lại 54.000.000 đồng Độ chi tiêu cá nhân hết.

Hết thời hạn thuê xe ô tô nhưng không thấy Đ trả xe như thỏa thuận, anh Duy A đã gọi điện thoại yêu cầu Đ trả xe. Mặc dù không có khả năng trả tiền vay cho anh G để lấy lại chiếc xe ô tô và biết không thể giấu được, đồng thời lo sợ anh Duy A tố giác hành vi lừa đảo của mình, nên Đ đã nói với anh Duy A về việc mình đã thế chấp chiếc xe ô tô để vay tiền và cố tình kéo dài thời gian bằng cách hẹn anh Duy A đến ngày 14/01/2023 sẽ trả xe. Do bị anh Duy A đòi trả xe ô tô nhiều lần, đến ngày 06/02/2023 Đ thú nhận không còn khả năng chuộc lại xe để trả, nên anh Duy A đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tính đến ngày 06/02/2023, tổng số tiền thuê xe theo thỏa thuận mà Đ phải trả cho anh Duy A là 83.000.000 đồng, trong đó Đ đã trả 66.000.000 đồng, còn nợ 17.000.000 đồng. Ngày 08/02/2023, anh Hà Minh G đã giao nộp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu đỏ, biển kiểm soát 30H-602.59 cho Cơ quan điều tra.

- **Lần 2:** Ngày 04/01/2023, Đ tiếp tục vào mạng xã hội Facebook tìm thuê xe ô tô để chiếm đoạt, Độ thấy có anh Trần Hoàng A1, sinh năm 1999 (trú tại tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) đăng bài viết cho thuê xe ô tô tự lái, Đ đã gọi điện thoại trao đổi, thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu trắng, biển kiểm soát 22A-150.03 của anh Hoàng A1 với giá 500.000 đồng/ngày, thời gian thuê xe 30 ngày, tổng số tiền thuê xe là 15.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Hoàng A1 đã điều khiển chiếc xe ô tô trên đi đến thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang bàn giao cho Đ thuê; tại đây hai bên đã lập hợp đồng thuê xe, biên bản giao xe và thống nhất trong quá

trình thuê xe ô tô Độ không được mang xe đi cầm cố, thế chấp, mua bán với người khác. Do không có tiền nên Đ chưa trả tiền thuê xe cho anh Hoàng A1 (trong các ngày 06 và 13/01/2023, Đ mới sử dụng tài khoản số 108003275949 của mình mở tại V chuyển trả 15.000.000 đồng tiền thuê xe vào tài khoản số 999955255555 của anh Hoàng A1 mở tại M).

Đến ngày 07/01/2023, Đ đã điều khiển chiếc xe ô tô thuê của anh Hoàng A1 trên đi đến thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên gặp Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992 (trú tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) để thế chấp vay tiền, nhưng anh N không có nhu cầu nhận thế chấp xe ô tô, nên giới thiệu Đ mang xe ô tô đến thế chấp cho bạn của mình là anh H N2, sinh năm 2000 (trú tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Sau đó, Đ trực tiếp liên hệ gặp anh N2 tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và thế chấp chiếc xe ô tô này để vay của anh N2 150.000.000 đồng, với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời gian vay là 15 ngày; sau khi trừ trước tiền lãi là 5.625.000 đồng và 200.000 đồng tiền trông xe, còn lại là 144.175.000 đồng anh N2 đã sử dụng tài khoản của mình số 19034281951011 mở tại T5 chuyển 125.000.000 đồng vào tài khoản số 108003275949 của Đ mở tại V và đưa trực tiếp cho Độ 19.175.000 đồng tiền mặt.

Ngày 12/01/2023, Đ đến trả cho anh N2 150.000.000 đồng và lấy chiếc xe ô tô trên về. Nhưng đến ngày 13/01/2023, Đ lại tiếp tục mang chiếc xe ô tô này thế chấp cho anh N2 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời gian vay 15 ngày. Sau khi trừ trước 5.625.000 đồng tiền lãi, anh N2 đã trực tiếp đưa 144.375.000 đồng tiền mặt cho Đ vay. Toàn bộ số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả nợ cho anh N2 để lấy chiếc ô tô về trả cho anh Hoàng A1 như cam kết. Đến ngày 07/02/2023, anh N2 giao nộp chiếc xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 22A-150.03 cho Cơ quan điều tra.

- **Lần 3:** Ngày 05/01/2023, Đ đến cửa hàng cho thuê xe máy của anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984 (trú tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) thỏa thuận thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, màu đỏ - đen, biển số 88K1-439.75 với giá thuê là 500.000 đồng/ngày; hai bên lập hợp đồng thuê xe và cam kết trong quá trình thuê xe Độ không được mang xe đi cầm cố, thế chấp, mua bán với người khác, đồng thời Đ phải đặt cọc thuê xe 6.000.000 đồng. Đ đã sử dụng tài khoản của mình số 108003275949 chuyển 8.500.000 đồng vào tài khoản của anh T số 17701007 mở tại A3 (6.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe và 2.500.000 đồng Độ nhờ anh T rút tiền mặt để Độ chi tiêu cá nhân). Sau đó, anh T đưa giấy đăng ký và bàn giao xe mô tô cho Đ thuê sử dụng.

Khoảng 10 giờ ngày 06/01/2023, Đ mang chiếc xe mô tô trên đến bán cho anh Lưu Văn T1, sinh năm 1982 (trú tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) với giá 60.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 11/01/2023, anh T1 bán chiếc xe mô tô này cho anh Nguyễn Thành A2, sinh năm 1997 (trú tại Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) với giá 65.000.000 đồng và anh A2 tiếp tục bán chiếc xe cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 (trú tại thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) với giá 65.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2023, anh T đã gửi đơn tố giác hành vi phạm tội của Đ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Ngày 05/3/2023, anh S giao nộp

chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, màu đỏ - đen, biển số 88K1-439.75 cho Cơ quan điều tra). Ngày 07/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối Nguyễn Văn Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chuyển vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T để điều tra theo quy định.

- **Lần 4:** Do cần có Căn cước công dân để đặt làm tin khi thuê xe ô tô tự lái, rồi mang đi thế chấp lấy tiền tiêu xài cá nhân (trước đó Đ đã đưa Căn cước công dân của mình số 008099000232 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 29/01/2021 cho anh Duy A giữ để thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30H-602.59), nên trong tháng 01/2023 Đ đã vào mạng xã hội Facebook và Z đặt mua 01 Căn cước công dân giả số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ, có hình ảnh Độ mặc áo phong không cổ, họa tiết đen trắng, với số tiền là 800.000 đồng (không nhớ tên tài khoản, không xác định được người làm Căn cước công dân giả cho Đ).

Sau khi mua được Căn cước công dân giả trên, ngày 28/01/2023 Đ tiếp tục vào mạng xã hội Facebook tìm người cho thuê xe ô tô tự lái, Đ thấy có anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1997 (trú tại tổ dân phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở phường C, quận B, thành phố Hà Nội) đăng bài viết cho thuê xe ô tô tự lái, Đ1 đã liên hệ, thoả thuận thuê của anh Lê Văn Đ1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0, màu xanh, biển kiểm soát 38A-324.05, với giá 1.000.000 đồng/ngày, thời gian thuê 10 ngày (từ 30/01/2023 đến 08/02/2023), tổng số tiền thuê xe là 10.000.000 đồng.

Theo thoả thuận, khoảng 08 giờ ngày 30/01/2023, anh Lê Văn Đ1 điều khiển chiếc xe ô tô trên đến xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang bàn giao cho Đ1 thuê. Tại đây hai bên lập hợp đồng thuê xe và cam kết trong quá trình thuê xe ô tô, Đ1 không được mang đi cầm cố, thế chấp, mua bán với người khác, Đ1 phải đặt cọc 20.000.000 đồng, còn tiền thuê xe phải trả trước 5.000.000 đồng, 5.000.000 đồng còn lại khi trả xe thì thanh toán. Đ1 đã đưa cho Lê Văn Đ1 giữ Căn cước công dân giả trên để làm tin và Đ1 đưa trực tiếp cho Lê Văn Đ1 25.000.000 đồng (20.000.000 đồng tiền đặt cọc và 5.000.000 đồng tiền thuê xe).

Khoảng 12 giờ ngày 01/02/2023, Đ1 điều khiển chiếc xe ô tô trên đi đến thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên gặp và thế chấp xe cho anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992 (trú tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) vay 160.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời gian vay 15 ngày. Sau khi cho Đ1 thế chấp xe ô tô vay tiền, anh N mang gửi chiếc xe tại Bệnh viện Đa khoa huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; đến ngày 09/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang thu giữ chiếc xe ô tô trên. Toàn bộ số tiền 160.000.000 đồng vay của anh N bằng thế chấp xe ô tô, Đ1 đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 13/12/2022 đến tháng 28/01/2023, tại địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn Đ đã 04 lần có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức thuê 03 chiếc xe ô tô của các anh Trương Duy A, Trần Hoàng A1, Lê Văn Đ1 và 01 chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Trọng T. Sau khi thuê được xe, Đ1 đã mang 03 chiếc xe ô tô đi thế chấp vay tiền và bán 01 chiếc xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân, với tổng số tiền chiếm đoạt là

1.425.000.000 đồng (chiếm đoạt của anh Duy A 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59 trị giá 460.000.000 đồng, rồi thế chấp vay 120.000.000 đồng của anh Hà Minh G; chiếm đoạt của anh Trần Hoàng A1 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 22A-150.03 trị giá 350.000.000 đồng, rồi thế chấp vay 150.000.000 đồng của anh Hầu Sỹ N1; chiếm đoạt của anh Nguyễn Trọng T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88K1-439.75 trị giá 65.000.000 đồng, đem bán cho anh Lưu Văn T1 65.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Lê Văn Đ1 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0, biển kiểm soát 38A-324.05 trị giá 550.000.000 đồng (Đ1 đưa Căn cước công dân giả cho anh Lê Văn Đ1 giữ để làm tin), sau đó thế chấp cho Nguyễn Trọng N vay 160.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền thế chấp các xe ô tô và bán xe mô tô Đ1 đã chi tiêu cá nhân hết.

*** Về kết luận giám định, định giá tài sản:**

- Tại Kết luận giám định số 300/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận:

+ Căn cước công dân số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ; ngày sinh 17/5/1999; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phong màu xanh là thật.

+ Căn cước công dân số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ, ngày sinh 17/5/1999, Quốc tịch: Việt Nam, Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phong không cổ, họa tiết đen trắng là giả.

- Tại Kết luận giám định số 840/KL-KTHS ngày 17/7/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X, vỏ màu đen, số IMEI: 359411083428504, điện thoại lắp 01 sim có dãy số 8984048000073299734 của Nguyễn Văn Đ gửi giám định khởi động được nguồn, kiểm tra được các thông tin cơ bản của thiết bị; trong điện thoại gửi giám định từ ngày 14/12/2022 đến ngày 30/01/2023 tìm thấy: 19 file hình ảnh, 270 tin nhắn ứng dụng Zalo, 354 tin nhắn SMS/imessage, 10 cuộc gọi Facetime, 45 lịch sử duyệt web.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe ô tô, nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59 tại thời điểm bị chiếm đoạt tháng 01/2023 trị giá là 460.000.000 đồng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe ô tô, nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số đăng ký 22A-150.03, tại thời điểm bị chiếm đoạt tháng 01/2023 trị giá là 350.000.000 đồng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 09/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 88K1-439.75 tại thời điểm

bị chiếm đoạt tháng 01/2023 trị giá là 65.000.000 đồng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe ô tô, nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0, biển kiểm soát 38A-324.05, tại thời điểm bị chiếm đoạt tháng 01/2023 trị giá là 550.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 56 /CT-VKSTQ-P1 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 13 năm tù đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 16 năm 06 tháng tù đến 18 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 09/02/2023.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, tại đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại Trần Hoàng A1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Trọng T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ hoàn trả. Quá trình điều tra bị hại Trương Duy A yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ hoàn trả 17.000.000 đồng là tiền thuê xe ô tô chưa trả tính đến ngày 06/02/2023, tuy nhiên tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh Trương Duy A không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hầu Sĩ N2 yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả 140.000.000 đồng là tiền vay thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 22A-150.03; anh Hà Minh G yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả 120.000.000 đồng là tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59; Anh Nguyễn Trọng N yêu cầu bị cáo hoàn trả 160.000.000 đồng; tổng số tiền là 420.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành A2 hoàn trả 65.000.000 đồng là tiền mua xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 88K1-439.75.

Do vậy Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Hà Minh G, anh Hầu Sĩ N1, anh Nguyễn Trọng N số tiền 420.000.000 đồng nêu trên; được

trừ đi số tiền 28.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 392.000.000 đồng.

Đối với phần trách nhiệm dân sự liên quan đến việc bị cáo bán chiếc xe mô tô 88K1-439.75, do tại đơn xin vắng mặt anh Lưu Văn T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả, anh Nguyễn Thành A2 không có ý kiến gì, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi anh S, anh A2, anh T1 có yêu cầu nhằm đảm bảo quyền lợi cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X được đựng trong 01 phong bì dán kín, được niêm phong, có chữ ký của ông Phạm Xuân H2, Bùi Thanh T2 và đóng dấu giáp lai của Phòng K, Công an tỉnh T; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân cùng số 008099000232, mang tên Nguyễn Văn Đ (Bản thật); tịch thu tiêu hủy 01 căn cước công dân 008099000232, mang tên Nguyễn Văn Đ (bản giả) được đựng trong 01 phong bì dán kín, được niêm phong, có chữ ký của ông Ngô Trần Quang T3 và đóng dấu giáp lai của Phòng K, Công an tỉnh T;

Trả lại cho anh Trương Duy A 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số 4237748 đối với xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59, số máy G4FGKH728325, số khung RNYBC41A6KC161083 (bản gốc).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định, không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Minh G

quá trình điều tra (giai đoạn tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh T) cơ quan điều tra nhiều lần xác minh nhưng anh G không có mặt tại địa phương, tại phiên tòa vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của anh Hà Minh G, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Minh G vẫn đảm bảo quyền, lợi ích của anh G theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/12/2022 đến tháng 28/01/2023, tại địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999 (trú tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) đã 04 lần có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức thuê 03 chiếc xe ô tô tự lái và 01 chiếc xe mô tô của các anh Trương Duy A, Trần Hoàng A1, Nguyễn Trọng T, Lê Văn Đ1, sau đó Đ1 mang 03 chiếc xe ô tô đi thế chấp vay tiền và bán 01 chiếc xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân, với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.425.000.000 đồng, rồi chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra, Nguyễn Văn Đ còn 01 lần thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả (Căn cước công dân giả mang tên Nguyễn Văn Đ) đưa cho anh Lê Văn Đ1 giữ làm tin để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô. Cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 13/12/2022, tại ngã ba xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Đ1 đã lừa thuê sau đó chiếm đoạt của anh Trương Duy A (trú tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội) 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu đỏ, biển kiểm soát 30H-602.59, trị giá 460.000.000 đồng. Sau đó, thế chấp cho anh Hà Minh G (trú tại Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh V) vay 120.000.000 đồng.

- **Lần 2:** Ngày 04/01/2023, tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Đ1 đã lừa thuê sau đó chiếm đoạt của anh Trần Hoàng A1 (trú tại tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 22A-150.03, trị giá 350.000.000 đồng. Sau đó, thế chấp cho anh Hầu Sĩ N2 (trú tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) vay 150.000.000 đồng.

- **Lần 3:** Ngày 05/01/2023, tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Đ1 đã lừa thuê xe sau đó chiếm đoạt của anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984, (trú tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh V) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88K1-439.75, trị giá 65.000.000 đồng. Sau đó, bán cho anh Lưu Văn T1 (trú tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh V) lấy 60.000.000 đồng.

- **Lần 4:** Ngày 28/01/2023, tại xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Đ1 đã lừa thuê xe sau đó chiếm đoạt của anh Lê Văn Đ1 (trú tại tổ dân phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội) 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux 2.0, biển kiểm soát 38A-324.05, trị giá 550.000.000 đồng. Để làm tin khi thực hiện hành vi lừa đảo Đ1 còn đưa cho anh Lê Văn Đ1 giữ 01 Căn cước công dân giả mang tên Nguyễn Văn Đ (Độ mua Căn cước công dân này trên mạng xã hội Facebook và Zalo, không nhớ địa chỉ, không xác định được người bán). Sau đó, thế chấp cho anh Nguyễn Trọng N (trú tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) vay 160.000.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi sử dụng Căn cước công dân giả để thực hiện hành vi trái pháp luật của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã nộp 28.000.000 đồng vào tài khoản của cơ quan thi hành án để hoàn trả cho các bị hại, bị cáo có ông nội (Nguyễn Đức T4) và ông ngoại (Nguyễn Văn S) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần xử phạt bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, bị cáo sử dụng căn cước công dân giả là tài liệu chứng minh nhân thân, (không phải tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản) nhằm mục đích thuận lợi cho quá trình thuê xe để chiếm đoạt, bị cáo chỉ sử dụng một lần, do vậy cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Những người bị hại Trương Duy A, Trần Hoàng A1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Trọng T không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền bị cáo đã vay, tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả theo yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do đó cần buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 420.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Hoàn trả cho anh Hầu Sỹ N1 số tiền 140.000.000 đồng.
- Hoàn trả cho anh Hà Minh G số tiền 120.000.000 đồng.
- Hoàn trả cho anh Nguyễn Trọng N số tiền 160.000.000 đồng.

Được trừ đi số tiền 28.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là 392.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền trách nhiệm dân sự liên quan đến việc bị cáo bán chiếc xe máy 88K1 – 439.75 cho anh Lưu Văn T1, sau đó anh T1 bán cho anh Nguyễn Thành A2, anh Nguyễn Thành A2 bán cho anh Nguyễn Văn S, tại phiên tòa anh S đề nghị Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự để anh S yêu cầu người trực tiếp bán xe cho anh là anh A2 phải hoàn trả; tại đơn xin vắng mặt anh Lưu Văn T1 đề nghị chưa yêu cầu hoàn trả, tại đơn xin vắng mặt anh A2 không nêu quan điểm về phần dân sự, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, khoản 2 Điều 292 Bộ luật Hình sự tách phần trách nhiệm dân sự đối với hành vi của bị cáo bán chiếc xe 88K1-439.75, giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho các đương sự khi có yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X được đựng trong 01 phong bì dán kín, được niêm phong, có chữ ký của ông Phạm Xuân H2, Bùi Thanh T2 và đóng dấu giáp lai của Phòng K, Công an tỉnh T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Tịch thu tiêu hủy 01 căn cước công dân giả: Căn cước công dân số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ, ngày sinh 17/5/1999, Quốc tịch: Việt Nam, Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phông không cổ, họa tiết đen trắng;

Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân thật: Căn cước công dân số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ; ngày sinh 17/5/1999; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C

và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phông màu xanh.

Trả lại cho anh Trương Duy A 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số 4237748 đối với xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59, số máy G4FGKH728325, số khung RNYBC41A6KC161083 (bản gốc).

[9] Đối với việc các anh Hà Minh G, Hầu Sĩ N2 khi nhận thể chấp xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59 và xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 22A-150.03 và anh Lưu Văn T1 khi mua xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển số 88K1-439.75 của Nguyễn Văn Đ: Đều không biết các xe ô tô và mô tô trên là tài sản do Đ lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên không có căn cứ đề nghị xử lý. Đối với hành vi của anh Hầu Sĩ N2 cho bị cáo Nguyễn Văn Đ vay 150.000.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày; anh Nguyễn Trọng N cho bị cáo Đ vay 160.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã chuyển các tài liệu có liên quan đến Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nơi anh N2 và anh N cư trú) đề nghị xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi của anh Hà Minh G cho Nguyễn Văn Đ vay 120.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập anh G nhiều lần để làm việc, nhưng anh G không có mặt ở địa phương, không xác định được đi đâu, làm gì nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã chuyển các tài liệu có liên quan đến Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để tiếp tục xác minh, làm rõ.

- Về việc Nguyễn Văn Đ khai nhận ngày 09/02/2023, Đ còn chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 (không nhớ biển kiểm soát) tại địa bàn huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc: Ngày 10/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã có Công văn chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với đối tượng làm giả căn cước công dân bán cho Nguyễn Văn Đ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tiến hành xác minh, nhưng không xác định được thông tin liên quan đến đối tượng, nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

- Về nội dung Nguyễn Văn Đ khai đã sử dụng điện thoại di động để truy cập vào một số trang web đánh bạc trên mạng Internet: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tiến hành xác minh, nhưng không có căn cứ xác định Nguyễn Văn Đ tham gia đánh bạc trên những trang web này, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm hai tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (09/02/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Hoàn trả cho anh Hầu Sỹ N1 số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Hoàn trả cho anh Hà Minh G số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Trọng N số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Được trừ đi số tiền 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Biên lai số 0000110 ngày 04/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 392.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Áp dụng Điều 30; khoản 2 điều 292 Bộ luật Hình sự, tách phần trách nhiệm dân sự đối với hành vi của bị cáo bán chiếc xe 88K1-439.75 giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho các đương sự khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X được đựng trong 01 phong bì dán kín, được niêm phong, bên trong đựng, có chữ ký của ông Phạm Xuân H2, Bùi Thanh T2 và đóng dấu giáp lai của Phòng K, Công an tỉnh T, bên ngoài ghi chữ “Vụ 840 – Nguyễn Văn Đ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) căn cước công dân giả: Số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ, ngày sinh 17/5/1999, Quốc tịch: Việt Nam, Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phông không cổ, họa tiết đen trắng;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) Căn cước công dân thật số 008099000232 mang tên Nguyễn Văn Đ; ngày sinh 17/5/1999; Quốc tịch: Việt

Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ghi ngày cấp 29/3/2021, in hình dấu Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C và có chữ ký Cục trưởng Phạm Công N3, có hình ảnh công dân mặc áo phông màu xanh. 02 Căn cước công dân, cùng mang số 008099000232, mang tên Nguyễn Văn Đ nói trên được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, được niêm phong, có chữ ký của ông Ngô Trần Quang T3 và đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh T, bên ngoài ghi chữ “Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 trong kết luận giám định số 300/KL-KTHS, ngày 28/02/2023 của Phòng PC09 – C1”.

Trả lại cho anh Trương Duy A 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số 4237748 đối với xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 30H-602.59, số máy G4FGKH728325, số khung RNYBC41A6KC161083 (bản gốc).

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 30/11/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 19.600.000 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; Người có QL&NVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Ngọc Trung

